

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1246/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương;

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 638/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 543/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Hoài B, sinh ngày 28/11/1992; căn cước công dân số 083092000032 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/3/2022 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ E, Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp H, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên lạc: 650/1/1F Tỉnh lộ 8, ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày 23/5/1990; căn cước công dân số 079190025617 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021 (vắng mặt).

Địa chỉ: F Tỉnh lộ 8, ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/6/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trương Hoài B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 26/02/2016. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ông thường cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Vợ chồng ông ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trương An N, sinh ngày 24/8/2016 và Trương Tấn P, sinh ngày 08/4/2020. Trương An N và Trương Tấn P hiện đang sống cùng ông. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi Trương An N và Trương Tấn P, ông không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trương Hoài B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn”. Bà S có địa chỉ cư trú tại ấp D, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết S đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà S vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trương Hoài B và bà Nguyễn Thị Tuyết S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 26/02/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông B thì sau kết hôn giữa ông và bà S đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ông thường cãi nhau, tính tình không hợp, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Vợ chồng ông ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Bà S đã được Tòa án triệu tập nhưng bà không đến tòa. Bà S cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà S là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Ông B và bà S có 02 (hai) con chung tên Trương An N, sinh ngày 24/8/2016 và Trương Tấn P, sinh ngày 08/4/2020. Ông B trình bày hiện trẻ Nhiên, trẻ P đang sống cùng ông. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ N có nguyện vọng sống chung với ba. Để ổn định tâm lý cho trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung Trương An N và Trương Tấn P cho ông B nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, ông B tạm thời không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Tuyết S vắng mặt tại phiên tòa. Nếu bà S có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trương Hoài B phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Hoài B là được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 26/02/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung:

Giao trẻ Trương An N, sinh ngày 24/8/2016 và Trương Tân P, sinh ngày 08/4/2020 cho ông Trương Hoài B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông B không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Trương Hoài B phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002891 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy